

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 8 - 2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương

Các Hội thẩm: Ông Nguyễn Văn Nguyên
Ông Lê Thuận Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/201/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 100/2019/QĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn A**; Trú tại: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Đơn ngày 29/3/2018 xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Juan, Jui-B**: Lô P, khóm 001, phường G, thị trấn H, huyện C, Lãnh thổ Đài Loan (Đơn ngày 29/3/2018 xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền liên hệ với Tòa án nộp đơn và nhận các văn bản tố tụng của bà Juan Jui B: Ông **Nguyễn Văn C**; Trú tại: Đường N, phường 1, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn ông Lê Văn A trình bày:

Ông đăng ký kết hôn với bà Juan Jui B được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/5/2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 201 ngày 27/5/2014. Trong quá trình chung sống đến khoảng tháng 3/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa về quan điểm, tính tình, lối sống, ông thì ở Việt Nam còn bà Juan Jui B thì về Đài Loan sinh sống, từ đó đến nay hai người không còn liên hệ gì với nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp nên ông khởi kiện xin ly hôn với Juan Jui B. Ông trình bày giữa hai người có một người con chung là Li Pei H (nữ) sinh ngày 14/9/2013 giữa hai người tự thỏa thuận nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, về không có tài sản chung và nợ chung không có.

Phía bị đơn Juan Jui B trình bày:

Tại các đơn ngày 29/3/2018 và 29/4/2018 Juan Jui B trình bày bà đã đăng ký kết hôn với ông Lê Văn A và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Việt Nam ngày 05/5/2014. Giữa hai người đã có một người con chung, do hoàn cảnh và lối sống khác biệt dẫn đến mâu thuẫn không hàn gắn được nên đã ly thân như ông A đã trình bày phần trên. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông A, về con chung giữa hai người tự thỏa thuận, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà còn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà do bà bận nhiều công việc không thể về Việt Nam.

Tại phiên tòa sơ thẩm, do các bên đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi công bố nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án; Sau khi Hội đồng xét xử thảo luận về nội dung cần giải quyết trong vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Lê Văn A xin ly hôn với bà Juan Jui B là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), các bên đương sự có đơn nêu ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định. Tòa án thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự về tranh chấp xin ly hôn theo quy định tại Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 37, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu ly hôn: Ông Lê Văn A tự nguyện kết hôn với bà Juan Jui B và đã đăng ký kết hôn tại Việt Nam. Do không có thời gian tìm hiểu nhau nên sau kết hôn hai người xảy ra mâu thuẫn, ông Lê Văn A ở Việt Nam còn bà Juan Jui B thì sống ở Đài Loan nên không có điều kiện chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, từ tháng 3/2016 đến nay giữa hai người không còn liên lạc gì với nhau nữa và bà Juan Jui B cũng thống nhất ly hôn với ông A. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều trình bày có một người con chung tên Li Pei H (nữ) sinh ngày 14/9/2013 giữa hai người tự thỏa thuận nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn A phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Juan Jui B đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C nhận bản án ly hôn của Tòa án nên các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại các Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn A được ly hôn với bà Juan Jui B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày tự thỏa thuận nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 001039 ngày 08/5/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông A đã nộp xong án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- UBND. H. T;
- THA.DS-TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Duy Lương